

điều khoản trong các luật lệ khác ban hành trước đây trái với luật này đều bãi bỏ.

Điều 48. — Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật này.

Hà nội, ngày 31 tháng 5 năm 1958

Chủ tịch nước Việt nam
dân chủ cộng hòa

HỒ CHÍ MINH

Tiếp ký:

Thủ tướng Chính phủ
PHẠM VĂN ĐỒNG

LUẬT số 110-SL/L.12 ngày 31-5-1958 về tổ chức chính quyền địa phương.

CHỦ TỊCH NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

RA SẮC LỆNH:

Nay ban bố luật tổ chức chính quyền địa phương đã được Quốc hội biểu quyết trong khóa họp thứ VIII; nguyên văn như sau:

LUẬT TỔ CHỨC CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

CHƯƠNG THỨ NHẤT HỆ THỐNG TỔ CHỨC

Điều 1. — Chính quyền địa phương tổ chức như sau:

Các khu tự trị, các thành phố trực thuộc trung ương, tỉnh, châu, thành phố trực thuộc tỉnh, thị xã, xã, thị trấn có Hội đồng nhân dân (HĐND) và Ủy ban Hành chính (UBHC).

Các huyện có Ủy ban Hành chính.

Các khu phố ở các thành phố và thị xã lớn có Ban Hành chính khu phố. Tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn, lề lối làm việc của Ban Hành chính khu phố do Thủ tướng Chính phủ quy định.

Điều 2. — Các thành phố có thể chia thành khu phố có Hội đồng nhân dân và Ủy ban Hành chính. Điều kiện thành lập khu phố có Hội đồng nhân dân và Ủy ban Hành chính và tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền khu phố do Hội đồng Chính phủ quy định.

CHƯƠNG THỨ HAI

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP

Mục 1. — TỔ CHỨC

Điều 3. — Hội đồng nhân dân các cấp là cơ quan quyền lực Nhà nước ở địa phương, do nhân dân bầu ra.

Số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân mỗi cấp và cách thức bầu cử do luật bầu cử quy định.

Điều 4. — Nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân khu tự trị, thành phố trực thuộc trung ương, tỉnh là 3 năm.

Nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân các cấp khác là 2 năm.

Điều 5. — Trong nhiệm kỳ, nếu đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp vì lý do gì mà không đảm nhiệm được chức vụ đại biểu, thì cử tri thuộc đơn vị bầu cử đã bầu ra đại biểu đó sẽ bầu người thay thế.

Mục 2. — NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 6. — Trong phạm vi địa phương và trong phạm vi quyền hạn của mình, căn cứ vào nhiệm vụ chung của Nhà nước và nhu cầu của địa phương, Hội đồng nhân dân lãnh đạo các ngành công tác, các mặt sinh hoạt, và quyết định tất cả công việc Nhà nước trong phạm vi địa phương được quyền quản lý, dưới sự lãnh đạo tập trung và thống nhất của Trung ương.

Điều 7. — Trong phạm vi địa phương và trong phạm vi luật lệ quy định, Hội đồng nhân dân khu tự trị, thành phố trực thuộc trung ương, tỉnh, châu, thành phố trực thuộc tỉnh, có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

1) Bảo đảm sự tôn trọng và chấp hành luật lệ của Nhà nước và nghị quyết của cấp trên.

2) Ra những nghị quyết thi hành trong phạm vi địa phương.

Những nghị quyết thuộc quyền xét duyệt của cấp trên theo luật lệ quy định phải được cấp có thẩm quyền thông qua trước khi ban hành.

3) Căn cứ vào kế hoạch chung của Nhà nước quyết định kế hoạch kiến thiết kinh tế, kiến thiết văn hóa, công tác xã hội và sự nghiệp lợi ích công cộng.

4) Căn cứ vào kế hoạch chung của cấp trên, quyết định những công việc thuộc nhiệm vụ xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng trong địa phương.

5) Thẩm tra và phê chuẩn dự toán và quyết toán ngân sách.

6) Bầu cử Ủy viên Ủy ban Hành chính cấp mình.

7) Thẩm tra các báo cáo công tác của Ủy ban Hành chính cấp mình.

8) Sửa đổi hoặc hủy bỏ những nghị quyết không thích đáng của Ủy ban Hành chính cấp mình, của Hội đồng nhân dân và Ủy ban Hành chính cấp dưới.

Xét duyệt những nghị quyết của Hội đồng nhân dân và Ủy ban Hành chính cấp dưới trong các trường hợp do luật lệ quy định.

9) Bảo vệ tài sản công cộng.

10) Bảo vệ trật tự an ninh chung.

11) Bảo đảm quyền công dân, bảo đảm quyền bình đẳng của các dân tộc.

Trong sự thực hành các nhiệm vụ và quyền hạn nói trên,

Hội đồng nhân dân các khu tự trị chiếu theo pháp luật mà thực hiện các quyền lợi của khu tự trị.

Điều 8. — Trong phạm vi địa phương và trong phạm vi luật lệ quy định. Hội đồng nhân dân thị xã, xã, thị trấn, có nhiệm vụ và quyền hạn như sau :

1) Bảo đảm sự tôn trọng và chấp hành luật lệ của Nhà nước và nghị quyết của cấp trên.

2) Ra những nghị quyết thi hành trong phạm vi địa phương.

Những nghị quyết thuộc thẩm quyền xét duyệt của cấp trên theo luật lệ quy định phải được cấp có thẩm quyền thông qua trước khi ban hành.

3) Căn cứ vào kế hoạch chung của cấp trên, quyết định kế hoạch sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp và công nghiệp, quyết định kế hoạch về sự nghiệp hợp tác tương trợ và các công tác kinh tế khác.

4) Căn cứ vào kế hoạch chung của cấp trên, quyết định kế hoạch thực hiện công tác văn hóa, xã hội.

5) Căn cứ vào kế hoạch chung của cấp trên, quyết định kế hoạch thực hiện công trình lợi ích công cộng.

6) Thẩm tra và phê chuẩn dự toán và quyết toán ngân sách.

7) Căn cứ vào kế hoạch chung của cấp trên, quyết định kế hoạch thực hiện các công tác quân sự trong địa phương.

8) Bầu cử Ủy viên Ủy ban Hành chính cấp mình (và Ủy ban Hành chính huyện nếu là các Hội đồng nhân dân xã, thị trấn).

9) Thẩm tra các báo cáo công tác của Ủy ban Hành chính cấp mình.

10) Sửa đổi hoặc hủy bỏ những nghị quyết không thích đáng của Ủy ban Hành chính cấp mình.

11) Bảo vệ tài sản công cộng.

12) Bảo vệ trật tự, an ninh chung.

13) Bảo đảm quyền công dân, bảo đảm quyền bình đẳng của các dân tộc.

Điều 9. — Hội đồng nhân dân các cấp có quyền bãi miễn Ủy viên Ủy ban Hành chính do mình bầu ra.

Mục 3. — CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC

Điều 10. — Hội nghị Hội đồng nhân dân do Ủy ban Hành chính cùng cấp triệu tập.

Điều 11. — Hội đồng nhân dân khu tự trị và tỉnh họp sáu tháng một lần.

Hội đồng nhân dân thành phố và châu họp 3 tháng một lần.

Hội đồng nhân dân thị xã, xã, thị trấn, họp ít nhất 3 tháng một lần.

Điều 12. — Ngoài các khóa họp thường kỳ nói ở điều thứ 11, Ủy ban Hành chính các cấp có thể triệu tập hội nghị bất thường của Hội đồng nhân dân cấp mình nếu xét thấy cần thiết, hoặc theo chỉ thị của cấp trên, hoặc khi có từ 1/3 tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân trở lên yêu cầu.

Điều 13. — Mỗi kỳ họp hội nghị, Hội đồng nhân dân bầu ra Chủ tịch đoàn để điều khiển hội nghị.

Hội nghị có một hay nhiều thư ký do Chủ tịch đoàn đề cử và Hội đồng nhân dân thông qua.

Điều 14. — Khi họp hội nghị, Hội đồng nhân dân các cấp có thể lập những Tiểu ban cần thiết trong thời gian hội nghị.

Điều 15. — Trong hội nghị, đại biểu Hội đồng nhân dân, Chủ tịch đoàn và Ủy ban Hành chính cùng cấp đều có thể đề xuất vấn đề, kèm dự án nghị quyết. Các dự án này do Chủ tịch đoàn đưa ra hội nghị thảo luận, hoặc giao cho một Tiểu ban xét trước rồi đưa ra hội nghị thảo luận, hoặc giao cho Ủy ban Hành chính nghiên cứu đề trình bày trong phiên họp sau của Hội đồng.

Điều 16. — Hội đồng nhân dân các cấp phải có quá nửa số đại biểu đến họp thì biểu quyết mới có giá trị.

Nghị quyết của Hội đồng nhân dân phải được quá nửa số đại biểu có mặt biểu quyết thỏa thuận mới có giá trị.

Đối với Hội đồng nhân dân các cấp trong khu vực có dân tộc thiểu số, trước khi biểu quyết một vấn đề quan trọng có liên quan đến một dân tộc nào, nhất thiết cần thảo luận với đại biểu của dân tộc ấy.

Điều 17. — Khi Hội đồng nhân dân các cấp họp hội nghị, cán bộ phụ trách các cơ quan chuyên môn cùng cấp có thể được mời đến tham dự.

Những người được mời tới dự có quyền tham gia ý kiến, nhưng không có quyền biểu quyết.

Điều 18. — Trừ trường hợp đặc biệt phải họp kín, Hội đồng nhân dân các cấp họp công khai, có nhân dân dự thính.

Điều 19. — Trong thời gian Hội đồng nhân dân họp hội nghị, nếu không có sự đồng ý của Chủ tịch đoàn thì không được bắt và xét hỏi đại biểu. Trong trường hợp phạm pháp quả tang hoặc trường hợp khẩn cấp thì cơ quan có trách nhiệm, sau khi bắt giữ một đại biểu, phải lập tức xin Chủ tịch đoàn thỏa thuận.

Điều 20. — Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp được hưởng cấp phí đi đường và lưu trú mỗi khi họp hội nghị. Chế độ cấp phí do Chính phủ quy định.

Mục 4. — QUAN HỆ GIỮA ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VÀ CỬ TRI

Điều 21. — Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp phải giữ mối liên hệ mật thiết với cử tri đã bầu ra mình, báo cáo hoạt động của mình với cử tri, thu thập và phản ánh ý kiến, nguyện vọng của nhân dân cho Hội đồng nhân dân và Ủy ban Hành chính, giúp Ủy ban Hành chính cấp mình đẩy mạnh công tác và tuyên truyền, phổ biến luật lệ, chính sách của Nhà nước.

Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp trên có thể tham dự hội nghị Hội đồng nhân dân cấp dưới, ở đơn vị bầu cử mình.

Điều 22. — Đại biểu Hội đồng nhân dân chịu sự giám sát của cử tri đã bầu ra mình.

Cử tri có quyền bãi miễn đại biểu Hội đồng nhân dân do mình bầu ra.

Việc bãi miễn một đại biểu Hội đồng nhân dân phải có quá nửa tổng số cử tri thuộc đơn vị bầu cử đã bầu ra đại biểu ấy bỏ phiếu thông qua. Thủ tục bỏ phiếu theo như lúc bầu cử.

CHƯƠNG THỨ BA

ỦY BAN HÀNH CHÍNH CÁC CẤP

Mục 1. — TỔ CHỨC

Điều 23. — Ủy ban Hành chính các cấp là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân cùng cấp, là cơ quan hành chính của Nhà nước ở cấp ấy.

Ở cấp huyện (không có Hội đồng nhân dân), Ủy ban Hành chính huyện là cơ quan hành chính của Nhà nước ở cấp ấy.

Điều 24. — Ủy ban Hành chính các cấp chịu trách nhiệm và báo cáo công tác với Hội đồng nhân dân cùng cấp, với cơ quan hành chính cấp trên trực tiếp, và đặt dưới sự lãnh đạo thống nhất của Chính phủ.

Điều 25. — Ủy ban Hành chính do Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu ra.

Ủy ban Hành chính huyện do các đại biểu Hội đồng nhân dân xã và thị trấn bầu ra. Cách thức bầu cử do luật bầu cử quy định.

Điều 26. — Số lượng ủy viên Ủy ban Hành chính các cấp định từ 5 đến 19, trong đó có Chủ tịch và một hoặc nhiều Phó chủ tịch. Ở các khu vực tự trị và miền núi, số lượng ủy viên Ủy ban Hành chính từ cấp châu trở lên tối đa là 25.

Điều 27. — Cấp có thẩm quyền ấn định số lượng ủy viên cụ thể cho Ủy ban Hành chính mỗi cấp quy định như sau:

— Hội đồng Chính phủ quy định số ủy viên cho Ủy ban Hành chính khu tự trị, thành phố trực thuộc trung ương, tỉnh.

— Ủy ban Hành chính thành phố trực thuộc trung ương, tỉnh, quy định số ủy viên cho Ủy ban Hành chính thành phố trực thuộc tỉnh, huyện, thị xã, xã và thị trấn.

Ở khu tự trị, Ủy ban Hành chính khu tự trị quy định số ủy viên cho Ủy ban Hành chính châu, huyện, thị xã; Ủy ban Hành chính tỉnh hoặc châu (nơi không có tỉnh) quy định số ủy viên cho Ủy ban Hành chính xã, thị trấn.

Điều 28. — Nhiệm kỳ của Ủy ban Hành chính theo nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân đã bầu ra Ủy ban Hành chính.

Khi Hội đồng nhân dân mãn khóa, Ủy ban Hành chính sẽ tiếp tục làm việc cho tới khi Hội đồng nhân dân khóa sau bầu ra Ủy ban Hành chính mới.

Điều 29. — Trong nhiệm kỳ, nếu Ủy viên Ủy ban Hành chính vì lý do gì mà không đảm nhiệm được chức vụ thì Hội đồng nhân dân đã bầu ra Ủy viên đó sẽ bầu người thay thế.

Mục 2. — Nhiệm vụ và quyền hạn

Điều 30. — Trong phạm vi địa phương và trong phạm vi luật lệ quy định, Ủy ban Hành chính khu tự trị, thành phố trực thuộc trung ương, tỉnh, châu, thành phố trực thuộc tỉnh, có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

1) Thi hành luật lệ của Nhà nước, quyết định chỉ thị của cơ quan hành chính cấp trên và nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp mình.

2) Căn cứ vào luật lệ, quyết định, nghị quyết và chỉ thị nói trên, ra những quyết định, chỉ thị thể lệ, đồng thời kiểm tra, đôn đốc việc thi hành các quyết định, chỉ thị, thể lệ này.

Những quyết định, chỉ thị, thể lệ thuộc thẩm quyền xét duyệt của cấp trên theo luật lệ quy định phải được cấp có thẩm quyền thông qua trước khi ban hành.

3) Tổ chức bầu cử Hội đồng nhân dân cùng cấp.

4) Triệu tập hội nghị Hội đồng nhân dân cùng cấp; báo cáo công tác và trình các đề án công tác trước Hội đồng nhân dân.

5) Lãnh đạo công tác của cơ quan chuyên môn cùng cấp và công tác của Ủy ban Hành chính cấp dưới.

6) Sửa đổi hoặc hủy bỏ các quyết định, chỉ thị không thích đáng của các cơ quan chuyên môn cùng cấp và Ủy ban Hành chính cấp dưới.

Đình chỉ thi hành những nghị quyết không thích đáng của Hội đồng nhân dân cấp dưới và trình Hội đồng nhân dân cùng cấp sửa đổi hoặc hủy bỏ.

Xét duyệt những nghị quyết của cấp dưới trong các trường hợp do luật lệ quy định.

7) Quản lý các cán bộ, nhân viên công tác tại các cơ quan thuộc quyền địa phương mình.

8) Chấp hành kế hoạch kinh tế, văn hóa; quản lý dự toán ngân sách.

9) Quản lý thị trường, quản lý công thương nghiệp quốc doanh, lãnh đạo và cải tạo công thương nghiệp tư doanh ở địa phương.

10) Lãnh đạo sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp, công nghiệp và công cuộc hợp tác tương trợ.

11) Quản lý công tác thu thuế.

12) Quản lý công tác giao thông vận tải và các sự nghiệp công cộng.

13) Quản lý nhân lực; bảo đảm thi hành các luật lệ lao động.

14) Quản lý công tác văn hóa, xã hội.

15) Quản lý công tác kiến thiết, sửa sang thành thị và nông thôn.

16) Căn cứ vào kế hoạch xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng của cấp trên mà chỉ đạo việc xây dựng các lực lượng vũ trang địa phương, lực lượng hậu bị, dân quân, quản lý công tác nghĩa vụ quân sự, phục viên, thương binh và các công tác quân sự khác.

17) Quản lý tài sản công cộng.

18) Bảo vệ trật tự an ninh chung.

19) Bảo đảm quyền công dân, bảo đảm quyền bình đẳng của các dân tộc.

20) Giúp đỡ các dân tộc thiểu số phát triển về mặt chính trị, kinh tế, văn hóa.

21) Thi hành các công tác do cơ quan hành chính Nhà nước cấp trên giao.

Điều 31.— Trong phạm vi địa phương và trong phạm vi luật lệ quy định, Ủy ban Hành chính huyện có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

1) Thi hành luật lệ của Nhà nước, quyết định, chỉ thị của cơ quan hành chính cấp trên.

2) Lãnh đạo, kiểm tra, đôn đốc công tác của các cơ quan chuyên môn cùng cấp và công tác của Ủy ban Hành chính xã và thị trấn.

3) Căn cứ vào kế hoạch của cấp trên, hướng dẫn xã, thị trấn xây dựng kế hoạch của xã, thị trấn và kiểm tra, đôn đốc việc chấp hành kế hoạch trong địa phương.

4) Lãnh đạo sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp, công nghiệp và công cuộc hợp tác tương trợ.

5) Đình chỉ thi hành những nghị quyết không thích đáng của Hội đồng nhân dân và Ủy ban Hành chính xã, thị trấn, và trình Ủy ban Hành chính tỉnh hoặc thành phố xét định.

Xét duyệt những nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã, thị trấn trong các trường hợp do luật lệ quy định.

6) Thi hành các công tác và quản lý các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp do cấp trên giao.

Điều 32.— Trong phạm vi địa phương và trong phạm vi luật lệ quy định, Ủy ban Hành chính thị xã, xã, thị trấn có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

1) Thi hành luật lệ của Nhà nước, quyết định, chỉ thị của cơ quan hành chính cấp trên và nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp mình.

2) Căn cứ vào luật lệ, quyết định, nghị quyết và chỉ thị nói trên, ra những quyết định, chỉ thị, đồng thời kiểm tra đôn đốc việc thi hành các quyết định, chỉ thị này.

Những quyết định, chỉ thị thuộc thẩm quyền xét duyệt của cấp trên theo luật lệ quy định phải được cấp có thẩm quyền thông qua trước khi thi hành.

3) Tổ chức bầu cử Hội đồng nhân dân cùng cấp.

4) Triệu tập hội nghị Hội đồng nhân dân cùng cấp, báo cáo công tác và trình các đề án công tác trước Hội đồng nhân dân.

5) Lãnh đạo công tác của các bộ phận chuyên môn cùng cấp.

6) Chấp hành kế hoạch kinh tế, văn hóa; quản lý dự toán ngân sách.

7) Lãnh đạo sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp, công nghiệp và công cuộc hợp tác tương trợ.

8) Quản lý công tác thu thuế.

9) Quản lý các sự nghiệp công cộng.

10) Quản lý nhân lực, bảo đảm thi hành các luật lệ lao động.

11) Quản lý công tác văn hóa, xã hội.

12) Quản lý và thực hiện công tác nghĩa vụ quân sự, công tác dân quân, phục viên, thương binh và các công tác quân sự khác.

13) Quản lý tài sản công cộng.

14) Bảo vệ trật tự an ninh chung.

15) Bảo đảm quyền công dân, bảo đảm quyền bình đẳng của các dân tộc.

16) Thi hành các công tác do Ủy ban Hành chính cấp trên giao.

Mục 3.— CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC

Điều 33.— Ủy ban Hành chính các cấp làm việc theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Những việc quan trọng đều phải do hội nghị Ủy ban thảo luận và quyết định. Các quyết định của Ủy ban không được trái với luật lệ của Nhà nước, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp và chỉ thị của cấp trên.

www.ThuVienPhapLuat.com
Tel: +84-8-3845 6664

Trước khi Ủy ban Hành chính quyết định một vấn đề quan trọng có liên quan đến một dân tộc ít người, nhất thiết cần thảo luận với đại biểu của dân tộc đó trong Ủy ban, hoặc với đại biểu của dân tộc đó trong Hội đồng nhân dân nếu dân tộc đó không có đại biểu trong Ủy ban.

Điều 34. — Chủ tịch Ủy ban Hành chính chủ trì các hội nghị và công tác của Ủy ban, đơn đốc, theo dõi kiểm tra toàn bộ công tác của Ủy ban, ban hành nghị quyết của Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính.

Phó chủ tịch giúp Chủ tịch chấp hành chức vụ.

Chủ tịch và Phó chủ tịch làm nhiệm vụ thường trực của Ủy ban, Chủ tịch, Phó chủ tịch và các Ủy viên khác phân công phụ trách các khối công tác, hoặc phụ trách từng vấn đề, và đi kiểm tra.

Điều 35. — Ủy ban Hành chính từ cấp huyện, thị xã trở lên, một tháng họp một lần. Ủy ban Hành chính xã, thị trấn, ít nhất nửa tháng họp một lần. Ủy ban Hành chính xã miền núi có thể một tháng họp một lần. Khi cần thiết, Ủy ban Hành chính các cấp có thể họp hội nghị bất thường.

Khi Ủy ban Hành chính họp cán bộ phụ trách các cơ quan chuyên môn có thể được mời đến tham dự. Những người được mời tới dự có quyền tham gia ý kiến, nhưng không có quyền biểu quyết.

CHƯƠNG THỨ TƯ

CÁC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN Ở ĐỊA PHƯƠNG VÀ QUAN HỆ GIỮA ỦY BAN HÀNH CHÍNH VỚI CÁC CƠ QUAN ĐÓ

Điều 36. — Ủy ban Hành chính khu tự trị, thành phố trực thuộc trung ương, tỉnh, có văn phòng và có thể, tùy nhu cầu công tác, lập ra các cơ quan chuyên môn.

Ủy ban Hành chính châu, thành phố trực thuộc tỉnh, huyện, thị xã, có văn phòng và có thể, tùy nhu cầu công tác, lập một số bộ phận chuyên môn.

Ủy ban Hành chính xã, thị trấn có một hoặc nhiều thư ký giúp việc bộ phận thường trực của Ủy ban và có thể, tùy nhu cầu công tác, lập một số bộ phận chuyên môn.

Điều 37. — Thủ tục thành lập, sửa đổi hoặc bãi bỏ các cơ quan chuyên môn nói ở điều 36 ấn định như sau :

— Thủ tướng Chính phủ ra nghị định, theo đề nghị của Ủy ban Hành chính thành phố trực thuộc trung ương, tỉnh, đối với các cơ quan chuyên môn bên cạnh Ủy ban Hành chính thành phố trực thuộc trung ương, tỉnh.

— Ủy ban Hành chính thành phố trực thuộc trung ương, tỉnh, quyết định sau khi được Thủ tướng Chính phủ chuẩn y đối với các bộ phận chuyên môn ở thành phố trực thuộc trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc tỉnh, huyện, thị xã, xã và thị trấn.

— Ủy ban Hành chính khu tự trị quyết định sau khi được Thủ tướng Chính phủ chuẩn y đối với các cơ quan chuyên môn bên cạnh Ủy ban Hành chính khu tự trị.

— Ủy ban Hành chính khu tự trị quyết định, theo sự hướng dẫn của Thủ tướng Chính phủ, đối với các cơ quan và bộ phận chuyên môn bên cạnh Ủy ban Hành chính từ cấp tỉnh trở xuống trong khu tự trị.

— Thủ tướng Chính phủ hỏi ý kiến các Bộ sở quan trước khi ra nghị định chuẩn y hoặc hướng dẫn dân trong các trường hợp nói trên.

Điều 38. — Các cơ quan chuyên môn bên cạnh Ủy ban Hành chính khu tự trị, thành phố trực thuộc trung ương, tỉnh chịu sự lãnh đạo thống nhất của Ủy ban Hành chính cùng cấp, đồng thời chịu sự lãnh đạo của Bộ sở quan.

Các cơ quan chuyên môn bên cạnh Ủy ban Hành chính châu, thành phố trực thuộc tỉnh, huyện, thị xã, chịu sự lãnh đạo thống nhất của Ủy ban Hành chính cùng cấp, đồng thời chịu sự lãnh đạo về nghiệp vụ của cơ quan chuyên môn bên cạnh Ủy ban Hành chính cấp trên.

Điều 39. — Cơ quan chuyên môn bên cạnh Ủy ban Hành chính, trong phạm vi nghiệp vụ và căn cứ vào quyết định, chỉ thị của Ủy ban Hành chính cùng cấp và chỉ thị của cơ quan chuyên môn cấp trên, ra chỉ thị cho cơ quan chuyên môn bên cạnh Ủy ban Hành chính cấp dưới.

Điều 40. — Cán bộ phụ trách cơ quan chuyên môn có nhiệm vụ kiểm tra công tác của ngành mình ở cấp dưới, và có thể được Ủy ban Hành chính cùng cấp ủy nhiệm đi kiểm tra, Ủy ban Hành chính cấp dưới về mặt lãnh đạo thực hiện công tác của ngành mình.

Điều 41. — Đối với những đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp do các Bộ trực tiếp quản lý thì các Ủy ban Hành chính địa phương có trách nhiệm bảo vệ an toàn, theo dõi, kiểm soát việc thi hành các luật lệ, các chính sách chung của Chính phủ và những thể lệ của địa phương.

Ủy ban Hành chính địa phương có nhiệm vụ tham gia ý kiến về việc xây dựng kế hoạch sản xuất, chương trình công tác, theo dõi sự thực hiện kế hoạch, chương trình công tác, và giúp đỡ các đơn vị ấy làm nhiệm vụ, nhưng không chỉ đạo về công tác chuyên môn. Các đơn vị ấy phải báo cáo tình hình và công tác của mình với Ủy ban Hành chính địa phương.

CHƯƠNG THỨ NĂM

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 42. — Những thể lệ quy định về tổ chức và bầu cử chính quyền địa phương trái với luật này đều bãi bỏ.

Điều 43. — Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật này.

Hà nội, ngày 31 tháng 5 năm 1958

Chủ tịch nước Việt nam

Dân chủ Cộng hòa

HỒ CHÍ MINH

Tiếp ký:

Thủ tướng Chính phủ

PHẠM VĂN ĐỒNG

PHỤ THỦ TƯỚNG

THÔNG TƯ số 289-TTg ngày 10-6-1958
về kiện toàn chính quyền địa phương.

I — MẤY NÉT CHÍNH VỀ TÌNH HÌNH BỘ MÁY CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG HIỆN NAY

Từ ngày hòa bình lập lại, chúng ta đã chú ý tăng cường bộ máy chính quyền địa phương. Trong việc thành lập các khu tự trị, trong công tác sửa chữa sai lầm trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức, các cơ quan chính quyền địa phương đã được kiện toàn thêm một bước, do đó, đã phục vụ có kết quả nhiệm vụ khôi phục kinh tế, bước đầu phát triển văn hóa. Nhưng trong thời gian qua, chúng ta mới kiện toàn bộ máy chính quyền địa phương theo yêu cầu từng lúc, từng nơi và trong một chừng mực nhất định, chủ yếu trong công tác sửa sai; chúng ta chưa có một kế hoạch toàn diện, phù hợp với nhiệm vụ của giai đoạn hiện tại.

Hiện nay, bộ máy chính quyền địa phương còn có những nhược điểm và khuyết điểm về mấy mặt như sau:

1) Hội đồng nhân dân các cấp do nhân dân bầu ra từ 1946, 1952 đến nay chưa được bầu lại (trừ Hội đồng nhân dân khu tự trị, 2 thành phố Hà nội, Hải phòng và một số ít Hội đồng nhân dân châu, xã); nhiều nơi Hội đồng nhân dân đã tan ra trong kháng chiến và cải cách ruộng đất; nơi nào còn, thì số đại biểu còn lại không thể hiện được tính chất Mặt trận rộng rãi trên cơ sở công nông liên minh, không đại biểu được các tầng lớp nhân dân, các ngành hoạt động trong địa phương.

Ủy ban Hành chính trải qua nhiều lần thay đổi cho thích hợp với hoàn cảnh kháng chiến, đến nay vẫn chưa được dân chủ bầu cử và còn do cấp trên chỉ định (trừ các nơi nói trên đã bầu Hội đồng nhân dân); vai trò của Ủy ban Hành chính bị lu mờ trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức; sau sửa sai, Ủy ban Hành chính các cấp đã được sơ bộ chấn chỉnh và hoạt động có kết quả, nhất là ở cấp tỉnh, nhưng về chất lượng, nói chung, trình độ và khả năng của Ủy ban Hành chính còn yếu, nhất là ở cấp huyện và xã, chưa đáp ứng được sự đòi hỏi của công tác; một số đồng Ủy ban Hành chính các cấp còn có những ủy viên thiếu uy tín.

Số lượng ủy viên trong Ủy ban Hành chính các cấp quy định từ 5 đến 9, phù hợp với hoàn cảnh kháng chiến, hiện nay đã tỏ ra quá ít so với nhiệm vụ trước mắt. Trong nhiều Ủy ban Hành chính, Chủ tịch, Phó chủ tịch không đủ năng lực lãnh đạo, có tỉnh thiếu cả Chủ tịch và Phó chủ tịch, có tỉnh chỉ có 6 ủy viên, nhiều huyện chỉ có 3, 4 ủy viên. Do đó, mỗi ủy viên thường phải phụ trách nhiều công tác hoặc phải phụ trách nhiều ngành lớn, cho nên chỉ đủ thì giờ giải quyết những công việc sự vụ, không thể tập trung lực lượng phụ trách những việc quan trọng, đảm bảo sự lãnh đạo của Ủy ban Hành chính được tốt.

Chế độ phân công trong Ủy ban chưa thành nề nếp, việc phân công lại thường thay đổi luôn.

Các cơ quan quyền lực và các cơ quan hành chính các cấp chưa thể hiện được đầy đủ tính chất dân chủ nhân dân chuyên chính; chưa phát huy được tinh tích cực, trí sáng tạo của quần chúng lao động; có nơi chưa thực sự tiêu biểu khởi đầu kết rộng rãi.

2) Quyền hạn, nhiệm vụ các cấp chưa được quy định rõ ràng và thích đáng với tình hình và nhiệm vụ mới. Việc tập trung quản lý theo hệ thống dọc của các Bộ, phần nào cần thiết trước đây nay không còn thích hợp nữa. Hiện nay, các Bộ thuộc các khối Kinh tế, Văn hóa, quản lý quá nhiều đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp rải rác ở các địa phương, không nắm được tình hình một cách đầy đủ, không lãnh đạo được sát đúng và kịp thời. Trong khi đó chính quyền địa phương ở sát ngay cơ sở, có thể lãnh đạo và kiểm soát có hiệu quả và kịp thời mọi công việc, thì không có trách nhiệm và không phát huy được tinh tích cực và khả năng sáng tạo của mình. Ý thức dân chủ tập trung chưa thật quán triệt trong các cấp, nên các Bộ còn ôm đồm quá nhiều và chưa tạo điều kiện giao dần quyền quản lý cho địa phương; còn địa phương thì chưa thấy hết quyền hạn và trách nhiệm của mình. Tình hình nói trên đã ảnh hưởng không nhỏ đến việc thực hiện kế hoạch Nhà nước.